| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |
| Số: **291**/2026/QĐST-HNGĐ | *Tuyên Quang, ngày 15 tháng 5 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 144/2026/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lâm Thị V**, sinh ngày 19/12/1987;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường M, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Đình D**, sinh ngày 07/02/1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường M, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026,

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lâm Thị V và anh Trần Đình D (*Giấy chứng nhận kết hôn số 152/2010, quyển số 08/2009, ngày 08/9/2010, tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang - Nay là UBND phường M, tỉnh Tuyên Quang*).

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Trần Lâm Thiên V1, sinh ngày 07/3/2011 và cháu Trần Chí H, sinh ngày 09/3/2018 cho anh Trần Đình D trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Lâm Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.*

- Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Lâm Thị V nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000536 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang; trả lại cho chị Lâm Thị V số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Anh Trần Đình D không phải chịu tiền án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 – Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND phường Mỹ Lâm; (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Thanh Sơn**